

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM NÔNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05 – 01 – 2024

V/v ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Trí Viễn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hữu Phúc;  
2. Bà Đặng Thị Nguyên Hồng..

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Thuần – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22/12/2023, 05/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đặng Thị L, sinh năm: 1969.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn N, sinh năm: 1970.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã A, huyện T - Đồng Tháp.

(Bà L có đơn xin vắng mặt, ông N vắng mặt tại phiên tòa)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện và lời tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Đặng Thị L trình bày: bà với ông Nguyễn Văn N tiến hành chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới vào năm 1986, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có 02 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 01/01/1988 và Nguyễn Thị Bích T1, sinh ngày 10/11/1997. Do bất đồng quan điểm, nên đã ly thân từ năm 2015 đến nay vẫn không thể hàn gắn tình cảm được. Do đó khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- + Về tình cảm: yêu cầu được ly hôn với ông N
- + Về nuôi con chung: đã trưởng thành, hiện đang làm công nhân, nên không yêu cầu giải quyết.
- + Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- + Về nợ chung: không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Văn N không có tờ tự khai đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như không có ý kiến phản đối về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông phát biểu* việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về ly hôn với bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện T là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Bị đơn không có ý kiến phản đối về tình trạng hôn nhân (là chung sống từ năm 1986, đã ly thân từ năm 2015 đến nay), con chung, tài sản chung, nợ chung do

phía nguyên đơn đưa ra. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[3] Bà L cho là đời sống vợ chồng không hạnh phúc, luôn xảy ra mâu thuẫn, đã ly thân từ năm 2015 đến nay nhưng cũng không thể hàn gắn được tình cảm, nên cương quyết xin được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông N không có mặt để tiến hành hòa giải, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, chứng tỏ ông không muốn hàn gắn tình cảm.

Xét thấy: việc xác lập quan hệ vợ chồng giữa ông N và bà L từ năm 1986, mặc dù đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc H, thì đây là hôn nhân thực tế, nay có tranh chấp thì sẽ được cho ly hôn.

Do đó, ông N và bà L đã ly thân từ năm 2015 đến nay chưa hàn gắn được, nên tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, do đó nghĩ cần cho ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: không có tranh chấp hay yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Từ những nhận định trên, nên chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà L là người khởi kiện thì phải chịu án phí là 300.000đồng. ông N không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự ; Áp dụng các Điều 56, 131 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q; Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Đặng Thị L và ông Nguyễn Văn N được ly hôn.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Đặng Thị L phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0001375, ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND H.Tam Nông;
- CCTHADS H. Tam Nong;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Trí Viễn**